UBND HUYỆN MỸ ĐỨC **TRƯỜNG MN BỘT XUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 275/BC-MNBX	*Bột Xuyên, ngày 31 tháng 12 năm 2024*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Bột Xuyên

1.2. Địa chỉ, trụ sở:

- Địa chỉ: Thôn Phú Hữu- Xã Bột Xuyên- Huyện Mỹ Đức- TP Hà Nội
- Điện thoại: 0965.612.735
- Email: mamnonbotxuyen@gdmd.edu.vn
- Website: https://mamnonbotxuyen.edu.vn

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập.

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

4.1. Sứ mạng:

- Tạo nên một thế hệ trẻ mầm non phát triển toàn diện: Khỏe mạnh, nhanh nhẹn, cởi mở, tự tin, học tập sáng tạo, vui chơi lành mạnh.

- Xây môi trường giáo dục toàn diện, phong phú, sáng tạo với một môi trường học tập có ý nghĩa khai thác tối đa năng lực, kinh nghiệm của trẻ, tạp cơ hội và thúc đẩy trẻ học tập và phát triển.

4.2. Tầm nhìn:

Từng bước khẳng định thương hiệu chất lượng CSGD trẻ mầm non thủ đô Hà Nội, hướng tới mục tiêu giáo dục tiên tiến, tiến tới xây dựng trường chuẩn quốc gia mức độ 2, liên tục đổi mới sáng tạo dựa trên nền tảng lý luận và thực tiễn, trải nghiệm, từng bước tiếp cận với su hướng giáo dục hiện đại, giữ nguyên bản sắc văn hóa dân tộc, hướng tới môi trường học tập "Khỏe mạnh, nhanh nhẹn, cởi mở, tự tin, học tập sáng tạo, vui chơi lành mạnh".

4.3. Mục tiêu

Mục tiêu nhà trường là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

Hướng phát triển của Nhà trường thực hiện trong năm học 2024 - 2025 đó là: *Trẻ khỏe mạnh, lễ phép, thân thiện và nhân ái, trẻ luôn hạnh phúc, mỗi khi đến*

trường. Thông minh sáng tạo, tự tin, có kỹ năng nếp sống thanh lịch văn minh của người Hà Nội .

1.5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường MN Bột Xuyên nằm trên địa bàn xã Bột Xuyên, là xã nằm ở phía bắc huyện Mỹ Đức: Phía bắc giáp với xã Phúc Lâm, phía nam giáp với xã An Mỹ, phía đông giáp với huyện Ứng Hoà, phía tây giáp với xã Mỹ Thành.

Trường MN Bột Xuyên được thành lập năm 1974. Trong nhiều năm qua, trường liên tục đạt tập thể lao động tiên tiến cấp huyện. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy, nhiều đồng chí là giáo viên dạy giỏi, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. Huy động số trẻ ra lớp luôn vượt chỉ tiêu kế hoạch. Số trẻ ăn bán trú ngày một cao, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong mỗi năm học đều giảm.

1.6. Thông tin đại diện pháp luật

- Họ và tên: Kim Thị Biền
- Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng nhà trường
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Bột Xuyên - Xã Bột Xuyên - Huyện Mỹ Đức - TP Hà Nội.
- Số điện thoại: 0965.612.735
- Địa chỉ thư điện tử: mamnonbotxuyen@gdmd.edu.vn

1.7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường: Quyết định số 1717/QĐ-UB ngày 25/12/1997 của UBND tỉnh Hà Tây

b) Quyết định Kiện toàn hội đồng trường: Hội đồng Trường Mầm non Bột Xuyên nhiệm kỳ 2021-2026 được kiện toàn theo Quyết định số 3957/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND huyện Mỹ Đức với nhiệm kỳ 05 năm gồm 13 đồng chí đảm bảo cơ cấu tổ chức, số lượng theo quy định. Cơ cấu tổ chức gồm: Cấp ủy chi bộ, BGH, công đoàn, đoàn thanh niên, tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, đại diện chính quyền địa phương và đại diện ban đại diện cha mẹ trẻ em. Trong đó, đồng chí Hiệu trưởng nhà trường là Chủ tịch hội đồng, đồng chí nhân viên văn thư là Thư ký hội đồng, các thành viên còn lại là ủy viên hội đồng.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện Mỹ Đức về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng.
- Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND huyện Mỹ Đức về việc điều động, luân chuyển về Trường mầm non Bột Xuyên giữ chức vụ Phó hiệu trưởng.

- Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND huyện Mỹ Đức về việc điều động, luân chuyển về Trường mầm non Bột Xuyên giữ chức vụ Phó hiệu trưởng.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động: Sơ đồ tổ chức bộ máy và phân công nhiệm vụ.

- Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội địa phương.

- Huy động trẻ em đến trường và tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật và có hoàn cảnh khó khăn.

- Thực hiện tốt quy chế nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

- Quản lý và sử dụng các nguồn lực, xây dựng cơ sở vật chất theo chuẩn hóa.

Phối hợp với gia đình và cộng đồng để thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định.

Sơ đồ tổ chức bộ máy và phân công nhiệm vụ.

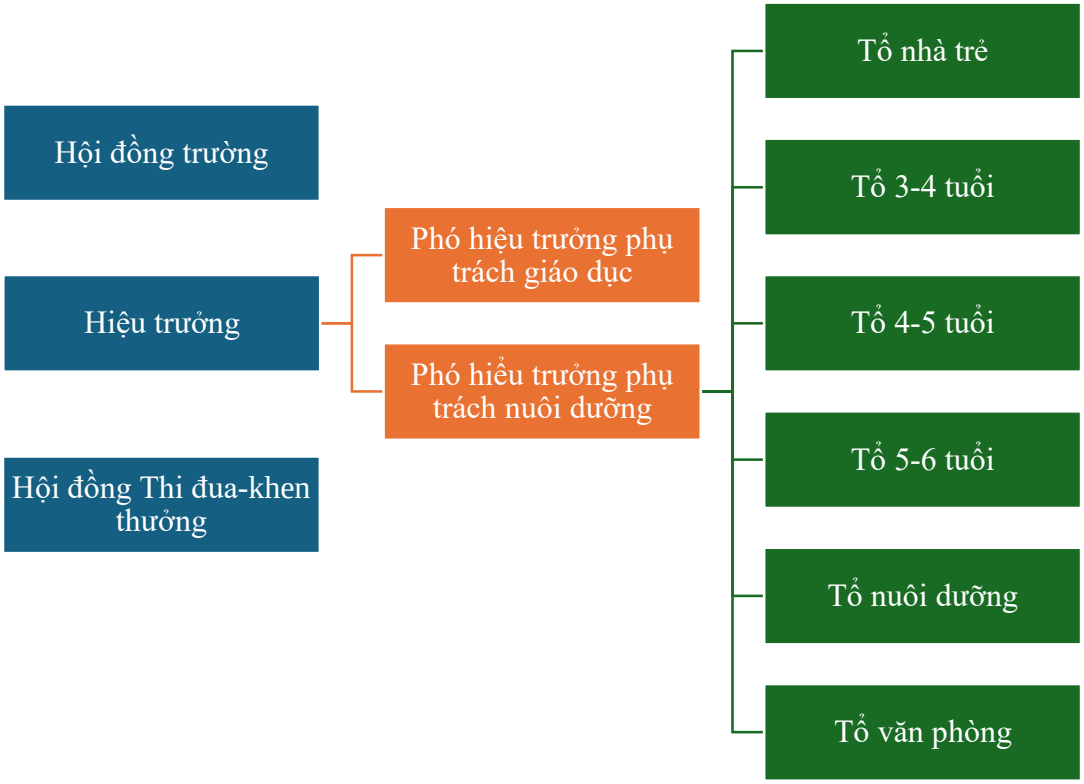

8. Các văn bản khác

- Kê hoạch phát triển của nhà trường giai đoạn 2021-2025;
- Quy chế dân chủ;
- Quy chế chi tiêu nội bộ;
- Quy chế thi đua khen thưởng;

- Kế hoạch tuyển sinh;
- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học....

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo.

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh NN		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
	Tổng số CBQL, GV, NV	**80**			45	31	2	2		43	15
I	**Cán bộ quản lý**	**3**			3						3
1	Hiệu trưởng	**1**			1						1
2	Phó hiệu trưởng	**2**			2						2
II	**Giáo viên**	**55**			39	16					12
	Nhà trẻ	**20**			15	5				17	3
	Mẫu giáo	**35**			24	11				26	9
III	Nhân viên	**22**			3	15	2	2			
1	**Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung**	**3**			2		1				
1	Văn thư	**1**					1				
2	Kế toán	**1**			1						
3	Y tế	**1**			1						
4	Thư viện	**0**									
IV	**Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ**	**19**			1	15	1	2			
1	Nhân viên bảo vệ	**3**			1			2			
2	Nhân viên phục vụ	**1**				1					
3	Nhân viên nuôi dưỡng	**15**				14	1				

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

TT	Nội dung		Chuẩn nghề nghiệp

		Tổng số	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số CBQL, giáo viên	58	24	34		
I	**Cán bộ quản lý**	3	3			
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó Hiệu trưởng	2	2			
II	**Giáo viên**	55	21	34		
1	Nhà trẻ	20	6	14		
2	Mẫu giáo	35	15	20		
Tỷ lệ %		100%	41.4 %	58.6%		

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, CBQL hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

TT	Nội dung	Tổng số	Bồi dưỡng thường xuyên	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số CBQL, giáo viên	58	58	
I	**Cán bộ quản lý**	3	3	
1	Hiệu trưởng	1	1	
2	Phó Hiệu trưởng	2	2	
II	**Giáo viên**	55	55	
1	Nhà trẻ	20	20	
2	Mẫu giáo	35	35	
Tỷ lệ %		100%	100%	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Diện tích toàn trường 3015m^2
- Diện tích khu A: 1636m^2
- Diện tích khu B: 994 m^2
- Diện tích khu C: 385 m^2

- Diện tích khu Bột Xuyên: 150m^2(học nhờ nhà văn hóa thôn Bột Xuyên)

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ	Yêu cầu tối thiểu theo quy định(Điều 5- 2a Chương II- Thông tư 13)	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định
7 m^2/ trẻ	12 m^2	Không đạt

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	**Tên phòng**	**Hiện trạng**	**Yêu cầu tối thiểu**	**Đối chiếu so sánh với yêu cầu tối thiểu quy định**
I	Khối phòng hành chính, quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	Không có	Đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Kkông đạt
2	Phòng PHT 1	Không có	Đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Kkông đạt
3	Phòng PHT 2	Không có	Đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Kkông đạt
4	Văn phòng trường	Không có	Đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Kkông đạt
5	Phòng cho nhân viên	Không có	Có giường, tủ để đồ cá nhân	Không đạt

3. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định

	19	19	Đạt

4. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

TT	Tổng số đồ chơi ngoài trời	Số lượng tổng	Thực tế các lớp
1	**Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập** (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v…)	**4**	- Máy vi tính: 5 - Máy chiếu: 1 - Máy in: 3 - Máy trợ giảng:3
2	**Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác** **(** Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định**)**		- Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	19	- Mỗi lớp một ti vi
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	4	- 4 đàn organ
3	Máy photocopy	0	
5	Cassettes	0	
6	Đầu Video/đầu đĩa	0	
7	Thiết bị khác		
8	Đồ chơi ngoài trời	5	5 loại
9	Bàn ghế đúng quy cách	-Bàn: 310 -Ghế: 500	- 1 trẻ/ghế - 2 trẻ/bàn
10	Thiết bị khác…		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

1.1. *Kết quả tự đánh giá:*

Căn cứ theo tiêu chuẩn chất lượng giáo dục GDMN được ban hành theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT;

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường Mầm non Bột Xuyên tự đánh giá chưa đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

1.2. Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023 – 2024 (Kế hoạch số 28/KH-MNBX ngày 27/2/2024) theo lộ trình 5 năm từ năm học 2019-2020 đến hết năm học 2023-2024. Tiếp tục xây dựng kế hoạch tự đánh giá năm học 2024-2025.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Nhà trường chưa được đánh giá ngoài

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục trong năm học 2024 – 2025:

- Nhà trường có Kế hoạch tuyển sinh được Phòng GD&ĐT huyện Mỹ Đức phê duyệt. Trong đó có quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, thời gian tuyển sinh và các thông tin liên quan.

- Xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ chi tiết, rõ ràng

- Nhà trường xây dựng thực đơn của trẻ rõ ràng theo từng ngày (chia theo tuần chẵn, lẻ; có thực đơn mùa đông, mùa hè riêng).

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của năm học trước (Năm học 2023 – 2024)

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	**Tổng số trẻ em**	455		26	114	105	108	102
1	Số trẻ em nhóm ghép	0						
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	455		26	114	105	108	102
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	**Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú**	446		17	114	105	108	102

III	**Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe**	455		26	114	105	108	102
IV	**Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng**	455		26	114	105	108	102
V	**Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em**							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	446/455		25/26	112/114	103/105	105/108	101/102
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	9/455		1	2	2	3	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	448/455		25/26	112/114	103/105	103/105	102/102
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	7/455		1	2	2	2	
5	Số trẻ thừa cân béo phì	3/455			2	1		
VI	**Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**	454		26	114	105	103	102
a	Chương trình giáo dục nhà trẻ	141		26	114			
b	Chương trình giáo dục mẫu giáo	313				105	103	102

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

STT	Nội dung	Quyết toán chi NSNN (năm tài chính 2023)	Chi NSNN (Năm tài chính 2024)	
			Dự toán	Ước thực hiện
1	**Chi thường xuyên**	***9.170.188.000***	***9.412.003.000***	***9.633.200.000***
1.1	*Chia theo nguồn:*	***9.170.188.000***	***9.412.003.000***	***9.633.200.000***
1.1.1	Nguồn NSNN	9.170.188.000	9.412.003.000	9.633.200.000
1.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại			
1.1.3	Nguồn khác			

1.2	*Chia theo nhóm chi:*	***9.170.188.000***	***9.412.003.000***	***9.633.200.000***
1.2.1	Chi thanh toán cá nhân	8.073.985.387	9.080.902.000	9.302.099.000
1.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	508.173.000	230.788.000	230.788.000
1.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung			
1.2.4	Các khoản chi khác	588.029.613	100.313.000	100.313.000
2	**Các khoản thu và mức thu đối với người học (bao gồm học phí, lệ phí và tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học**	**2.447.483.000**	**3.106.316.000**	**2.760.050.000**
2.1	- Học phí	402.672.000	421.135.000	259.920.000
2.2	- Tiền ăn (20 nghìn/ngày)	1.308.689.000	1.602.100.000	1.530.930.000
2.3	- Tiền chăm sóc bán trú	557.550.000	945.405.000	846.000.000
2.4	- Tiền trang thiết bị bán trú	66.300.000	89.400.000	80.000.000
2.5	- Tiền học phẩm	66.300.000		
2.6	- Tiền nước uống	45.972.000	48.276.000	43.200.000
3	**Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn giảm học phí**	269.488.000		
4	**Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Quỹ phát triển HĐSN**			

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC.

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường mầm non

Ban Giám hiệu nhà trường chủ động nghiên cứu, chỉ đạo và triển khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên. Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực, chọn lựa giáo viên có phẩm chất đạo đức và năng lực sư phạm làm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Đẩy mạnh kiểm tra, đánh giá quy chế chuyên môn, hồ sơ giáo

viên và công tác bồi dưỡng. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chuyên môn, chăm lo đời sống cho giáo viên và nhân viên.

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án.

Nhà trường xác định rõ mục tiêu đề án, lập kế hoạch chi tiết và phân công công việc cho các thành viên. Đến nay, các kế hoạch đều được thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế.

Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế được nhà trường chú trọng phát triển, tăng cường hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp và đối tác quốc tế, tạo điều kiện cho học sinh, giáo viên nâng cao trình độ và tiếp cận cơ hội học hỏi, phát triển trong môi trường toàn cầu.

4. Tăng cường ứng dụng CNTT.

Nhà trường triển khai chuyển đổi số trong quản lý giáo dục giai đoạn 2022-2025, xây dựng kho tài liệu trực tuyến trên website và áp dụng các phần mềm quản lý như bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, cơ sở dữ liệu ngành, đánh giá hàng tháng và chuẩn nghề nghiệp giáo viên, phần mềm tính khẩu phần ăn, công chức viên chức. Ứng dụng CNTT hiệu quả trong quản lý hồ sơ, báo cáo và thống kê theo quy định.

Nhà trường khuyến khích giáo viên sử dụng phần mềm giáo dục trong thiết kế bài giảng điện tử và tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ.

5. Công tác truyền thông

Công tác truyền thông được đẩy mạnh qua các kênh như bảng tin, facebook, Zalo lớp và website trường để tuyên truyền, phổ biến kiến thức về nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

HIỆU TRƯỞNG

Kim Thị Biền